

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

29/12/2013

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
1	342407	Đào Thị Kim Hoà	3424	9	16	20	18	53	330	230	560	9.5
2	342426	Chu Quang Duy	3424	8	16	9	15	43	240	170	410	
3	340923	Trần Quang Hiếu	3409	5	16	16	11	39	240	145	385	
4	341117	Trần Văn Dương	3411	8	15	15	17	28	280	80	360	
5	341532	Nguyễn Văn Thành	3415	4	13	7	12	33	165	110	275	
6	340811	Hà Mạnh Trung	3408	5	12	11	12	28	185	80	265	
7	341026	Hoàng Thị Hồng Ngân	3410	7	12	8	5	35	140	120	260	
8	342225	Nguyễn Thị Lan Anh	3422	4	11	9	10	27	150	70	220	
9	350518	Trần Thị Nhị	3505	5	24	23	23	70	405	335	740	10.0
10	351115	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	3511	8	27	20	21	69	410	330	740	10.0
11	352129	Lê Hà Phương	3521	9	23	22	18	70	390	335	725	10.0
12	352164	Trần Thị Thuỳ Dương	3521	6	20	15	13	77	275	380	655	10.0
13	351348	Nguyễn Khoa Kiều Tâm	3513	6	15	20	14	75	280	365	645	10.0
14	350439	Nguyễn Thị Kim Chi	3504	7	26	13	19	60	345	270	615	10.0
15	350414	Nguyễn Duy Mạnh	3504	7	20	21	11	64	310	300	610	10.0
16	351051	Lương Thị Lan Anh	3510	6	8	20	16	67	250	320	570	9.5
17	352217	Nguyễn Thị Mai Quế	3522	10	19	17	9	61	280	280	560	9.5
18	351360	Nguyễn Thị Mai Hương	3513	7	13	16	13	65	245	305	550	9.5
19	352201	Phạm Thế Duyệt	3522	6	11	12	12	74	190	360	550	9.5
20	352503	Trần Bích Hạnh	3525	5	16	15	15	62	255	285	540	9.5
21	351144	Nguyễn Thị Hạnh	3511	9	20	16	13	54	300	235	535	9.5
22	351335	Vương Thuỳ Dung	3513	7	20	14	11	58	260	260	520	9.0
23	352101	Dương Ngọc Thương	3521	6	15	16	13	59	250	265	515	9.0
24	352216	Lê Thị Mai Anh	3522	8	20	17	17	41	325	160	485	8.5
25	352548	Hà Minh Huyền	3525	6	15	14	16	50	255	215	470	8.0
26	352229	Khuất Thị Huyền Trang	3522	3	18	17	12	48	250	200	450	8.0
27	351041	Hoàng Nguyễn Thuỳ Linh	3510	7	13	16	13	44	245	175	420	
28	351562	Trần Thị Ngọc Thu	3515	4	17	16	14	41	255	160	415	
29	352119	Nguyễn Thị Bích Diệp	3521	7	9	11	14	52	190	225	415	
30	352221	Hoàng Thị Hội	3522	5	17	15	17	35	275	120	395	
31	351237	Nguyễn Thị Thanh Trà	3512	5	12	13	15	42	215	165	380	
32	350603	Nguyễn Thị Thùy Linh	3506	6	14	8	13	42	190	165	355	
33	352224	Nguyễn Thị Tuyết	3522	5	20	13	8	37	220	130	350	
34	352228	Nguyễn Duy Trung	3522	10	8	5	8	49	135	210	345	
35	352535	Nguyễn Thị Thọ	3525	4	9	14	11	43	175	170	345	
36	352536	Đỗ Thái Hà	3525	8	14	15	14	29	255	85	340	
37	352327	Đinh Thị Hiến	3523	6	12	11	11	35	185	120	305	
38	350965	Lưu Quang Anh	3509			8	6	55	45	240	285	
39	350402	Bùi Thị Thùy Giang	3504	3	13	13	12	29	190	85	275	
40	351911	Nguyễn Mạnh Thắng	3519	6	14	10	9	29	180	85	265	
41	351267	Lê Thị Ngọc	3512	4	12	10	9	20	160	30	190	
42	350347	Hà Thị Kim Liên	3503									
43	350426	Nguyễn Văn Chuyên	3504									
44	350946	Hoàng Thị Chung	3509									
45	351740	Hoàng Tuấn Vũ	3517									
46	361258	Hoàng Việt Anh	3612	9	28	16	15	68	365	325	690	10.0
47	361259	Đỗ Thùy Linh	3612	7	21	19	21	51	365	220	585	10.0
48	360534	Hoàng Nguyễn Bảo Anh	3605	6	19	17	12	64	275	300	575	10.0

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

29/12/2013

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
49	361043	Nguyễn Kiều Oanh	3610	10	16	20	12	57	300	255	555	9.5
50	360354	Dương Văn Quý	3603	5	18	12	19	56	275	250	525	9.0
51	361522	Hoàng Thu Trang	3615	6	12	20	19	53	295	230	525	9.0
52	360565	Hoàng Mỹ Linh	3605	6	19	12	16	53	270	230	500	8.5
53	360244	Nguyễn Huyền Khanh	3602	6	8	13	8	50	160	215	375	
54	361450	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	3614	7	9	11	10	46	170	190	360	
55	360212	Nguyễn Sỹ Anh	3602	3	18	13	6	43	185	170	355	
56	360560	Trương Thị Mỹ Hòa	3605	4	10	14	9	34	170	115	285	
57	362035	Tạ Thị Bích Hạnh	3620	5	17	7	6	35	160	120	280	
58	361802	Hoàng Thị Ngà	3618	2	13	8	12	34	160	115	275	
59	362102	Ngân Thị Bùi	3621		12	13	15	27	185	70	255	
60	360110	Trần Minh Phương	3601	6	6	8	4	40	95	150	245	
61	360402	Lữ Thị Hương	3604	4	11	10	9	29	150	85	235	
62	360835	Phạm Thị Hà Phương	3608	3	14	10	12	21	180	35	215	
63	361138	Lê Thị Thu Hằng	3611		12	8	7	26	115	65	180	
64	360132	Đỗ Thị Thùy Linh	3601									
65	360543	Phan Thị Nga	3605									
66	360567	Đỗ Thị Minh Nguyệt	3605									
67	360666	Nguyễn Trung Anh	3606									
68	360845	Đỗ Thị Ngân	3608									
69	360864	Phạm Thị Kiều Trang	3608									
70	361453	Lê Thị Hồng Hạnh	3614									
71	361461	Nguyễn Khắc Tú	3614									
72	361462	Phạm Nữ Việt Trinh	3614									
73	361563	Lương Thị Phương Anh	3615									
74	372830	Lê Trang Nhung	3728	8	25	23	22	69	425	330	755	10.0
75	372328	Đỗ Thị Hồng Nhung	3723	6	22	13	16	88	295	435	730	10.0
76	372356	Nguyễn Thị Hồng Nhung	3723	8	23	12	16	72	310	350	660	10.0
77	371071	Nguyễn Tiến Đạt	3710	9	22	19	15	48	345	200	545	9.5
78	372440	Nguyễn Thị Thanh Hương	3724	8	17	13	19	55	295	240	535	9.5
79	371070	Trần Tuấn Việt	3710	5	17	12	13	53	230	230	460	8.0
80	372810	Vũ Vương Tuấn	3728	4	19	18	13	43	275	170	445	
81	372813	Hoàng Trung Hiếu	3728	7	13	14	14	42	240	165	405	
82	372358	Ngô Vũ Chung Anh	3723	3	14	13	15	43	215	170	385	
83	372833	Phạm Thu Hương	3728	4	12	9	14	47	180	195	375	
84	372738	Phạm Thuỳ Linh	3727	4	11	9	11	48	160	200	360	
85	370715	Phạm Thị Thu Trang	3707	6	19	6	10	29	190	85	275	
86	372331	Đỗ Hồng Ngọc	3723	2	8	7	8	7	100	5	105	
87	371067	Trần Thị Hoài Anh	3710									
88	372445	Nguyễn Thị Cách	3724									
89	382239	Bùi Minh Ngân	3822	8	23	25	24	78	440	385	825	10.0
90	381563	Phạm Vĩnh Hải	3815	8	24	22	22	62	410	285	695	10.0
91	380567	Phùng Vũ Hiệp	3805	7	24	20	20	61	385	280	665	10.0
92	381256	Nguyễn Hoàng Anh	3812	4	25	21	13	55	330	240	570	9.5
93	380950	Nguyễn Phụng Hà	3809	5	19	19	15	59	300	265	565	9.5
94	380239	Hoàng Thuỳ Linh	3802	5	16	16	16	55	270	240	510	9.0
95	381367	Tạ Hồng Anh	3813	9	18	13	15	51	280	220	500	8.5
96	381167	Trịnh Thị Ban Mai	3811	6	15	16	16	50	270	215	485	8.5

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi : 29/12/2013

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
97	381318	Hà Thị Anh Trâm	3813	6	18	11	15	43	250	170	420	
98	381152	Nguyễn Thị Hải Yến	3811	6	15	8	8	51	170	220	390	
99	381866	Trần Nguyễn Thu Hiền	3818	3	13	9	9	38	150	140	290	
100	380366	Quách Đức án	3803									
101	381005	Bùi Thị Thảo	3810									
102	381010	An Thị Quỳnh	3810									
103	381166	Trần Thanh Sơn	3811									
104	382346	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	3823									
105	382443	Nguyễn Thanh Mai	3824									

Hà Nội, Ngày tháng năm 2013

TRUNG TÂM TIN HỌC

THANH TRA ĐÀO TẠO

TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

BAN GIÁM HIỆU